**Bài 8. CÁI TÔI – THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO**

**(THƠ)**

**(Số tiết: 10 tiết)**

**TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN + ĐỌC VĂN BẢN NGUYỆT CẦM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm thơ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết và phân tích được vai trò một số yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức tự học, trau dồi năng lực thẩm mĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SBT

- PHT

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Kể tên một số tác phẩm thơ đã học*  *+ Ấn tượng của anh chị, khi được học tác phẩm thơ*  *+ Đố…*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | - Thơ: Trao duyên, Đoàn thuyền đánh cá, Thu điếu, Tràng Giang, ...  - Cấu tứ, biện pháp tu từ, tình cảm cảm xúc…  - Điều làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm thơ là hình ảnh, yếu tố thơ, hình thức và cấu tứ, biện pháp tu từ… |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết phân tích được: Ngôn từ, cấu tứ, hình thức, đặc điểm trong thơ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Khám phá Tri thức ngữ văn**  \* **Tượng trưng**  -  Là loại hình ảnh mang tính trực quan, sinh động nhưng hàm nghĩa biểu đạt tư tưởng, quan niệm, khái niệm trìu tượng.  \* **Yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình**  - Là những chi tiết, hình ảnh cụ thể, gợi cảm, gợi lên những ý niệm trừu tượng và giàu tính triết lý, đánh thức suy ngẫm của người đọc về bản chất sâu xa của con người và thế giới.  \* **Hình thức và cấu tứ trong thơ trữ tình.**  - Là tổng hòa của thể thơ, câu thơ, lời thơ, giọng điệu, nhịp, vần, hình ảnh,  - Cấu tứ là cách triển khai mạch cảm xúc và tổ chức hình tượng.  \* **Biện pháp tu từ lặp cấu trúc.**  - Là biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản. |

**Hoạt động 2: Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách đọc văn thơ, tìm hiểu chung tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh đọc trang 62,63**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc văn bản*  *+ Tìm hiểu về tác giả: Cho học sinh xem video về Xuân Diệu https://www.youtube.com/watch?v=ZCKNXqIONkI*  - HS tóm tắt nét chính về tác giả Xuân Diệu  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - HS đọc  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Xuân Diệu (1916-1985)  Quê: Hà Tĩnh  Thơ XD góp phần đẩy mạnh quá trình HĐH văn học VN thế kỉ XX  **b. Tác phẩm:**  - Thể loại: Thơ  - Phương thức biểu đạt: trữ tình |

**Hoạt động 3: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ như tượng trưng ...

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, nêu được ý nghĩa trong cách dùng từ

- Trân trọng tác phẩm.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn chú ý các hộp chỉ dẫn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **-** GV phát PHT , Hs thảo luận nhóm đôi   |  |  | | --- | --- | | Giọt | Rơi | |  |  | | => “Mỗi giọt tàn rơi”: Gợi tả ấm … | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Suy ngẫm và phản hồi (Trả lời câu hỏi hộp chỉ dẫn)**  **\*1. Hình ảnh “mỗi giọt rơi tàn”**   |  |  | | --- | --- | | Giọt: giọt đàn  nếu như “giọt” là đơn vị của chất lỏng thì “giọt rơi tàn như lệ ngân” lại là giọt ánh sáng, giọt âm thanh. | “Rơi”: tiếng vang thấy được cả ánh sáng “tàn”, đem so sánh với “lệ” là giọt chất lỏng tạo cho “giọt” có cấu trúc muôn hình thể: âm thanh biến thành ánh sáng, ý thơ lung linh, chính tâm hồn tinh tế của thi nhân đã “kết” tiếng đàn kia từ âm, sắc thành giọt lỏng. | | Âm thanh tích tụ mối sầu ở cảnh, ở tình kết thành giọt rơi giữa đêm vắng, giọt âm thanh cứ chơi vơi giữa lòng vũ trụ, giữa lòng thi sĩ. Dư âm của nó cứ lay động nhẹ trái tim nhà thơ, cứ đọng dần, đọng dần cho đầy tâm hồn cô vắng. | | |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu hỏi 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hình dung âm thanh “long lanh tiếng sỏi” như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\*2. Hình dung âm thanh “Long lanh tiếng sỏi”**  Câu thơ đảo từ “long lanh” lên đầu cho ta thấy ánh sáng phát ra từ tiếng đàn, đọng vào sỏi đá. Cái cảm giác xù xì, trầm đục ấy lẽ ra phải được cảm nhận bằng thị giác nay “vang vọng” thì đã chuyển sang thính giác. Tiếng đàn đẹp và hay nay lại là tiếng vang của những mối hận trong lòng, những mối hận đã lên tiếng. Thi nhân đã thu lòng mình vào khí thu lạnh lẽo, ánh trăng tỏ ngời và nỗi niềm uất hận từ tiếng đàn, những nỗi niềm ấy còn tồn tại trong cả sỏi đá. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv phát PHT số 3   |  |  | | --- | --- | | **“Biển”** | **“Chiếc đảo”** | | => | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Sau khi đọc:**  **NV4: Hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi sau khi đọc.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS đọc thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\*3.  Hình ảnh "biển" và "chiếc đảo" có mối quan hệ :**  **"Biển"**:  Không gian bao quanh, tiếng đàn hoá thành đại dương chứa âm thanh, mỗi giọt âm thanh vừa là trăng, là bạc, là pha lê, là một bể sầu vô định, mênh mông, choáng ngợp mà trên đó có một linh hồn - chiếc đảo đang bơ vơ.  **“Chiếc đảo...":** là nỗi lòng tự bạch của thi sĩ nói riêng và một tầng lớp lúc bấy giờ.  => **Cả hai hình ảnh đều gợi không gian mênh mông, rộng lớn, chứa đựng nồi sầu vô định của thi sĩ, gợi lên cảnh tượng con người thật bé nhỏ, khó xác định, cứ bị ngợp dần.**  **Câu 1:  Hình ảnh trăng nhập vào dây đàn ở khổ thơ đầu tiên của bài "Nguyệt cầm"** có sự độc đáo trong cách tạo hình ảnh rất tinh tế và sáng tạo.  Ở một số tác phẩm nghệ thuật khác, hình ảnh trăng và đàn cũng được sử dụng nhiều nhưng thường được đặt ở vị trí riêng biệt, không kết hợp với nhau như trong bài thơ này.  **VD:**  - **Trong nghệ thuật hội hoạ**, hình ảnh trăng và đàn thường được vẽ thành hai chủ thể khác nhau trong cùng một bức tranh.  **- Trong âm nhạc**, trăng và đàn thường được dùng như các hình ảnh biểu tượng cho những cảm xúc sâu sắc, nhưng cũng không được kết hợp với nhau như hình ảnh trong bài thơ "Nguyệt cầm".  **Câu 2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khổ thơ** | **Ánh sáng (trăng) [1]** | **Âm thanh (đàn-âm nhạc) [2]** | **Hình ảnh thể hiện sự tương giao của các giác quan [3]** | | 1 | trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh  trăng thương, trăng nhớ | đàn buồn, đàn lặng, đàn chậm | ... giọt rơi tàn như lệ ngân | | 2 |  |  | .. bóng sáng bỗng rung mình | |  |  |  | Long lanh tiếng sỏi... | |  |  |  | ... ánh nhạc: biển pha lê... |    Ý nghĩa của bài thơ:  - “Nguyệt” có nghĩa là trăng, “Cầm” có nghĩa là cây đàn, vì vậy Nguyệt cầm có nghĩa là cây đàn nguyệt.  - Nguyệt và cầm: Hai yếu tố tương đồng ngữ nghĩa, trùng phùng hình ảnh, tuy hai mà có thể trở thành một, hoặc biến hoá đến vô cùng: Trăng là nguyệt, là đàn (đàn hình tròn như trăng), |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh trả lời câu 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS đọc thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV6: Hướng dẫn học sinh trả lời câu 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS đọc thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 3: Các cảm giác “lạnh” (khổ 1), “rung mình” (khổ 2), “ghê như nước” (khổ 3), “rọn” (khổ 4),... là cảm giác của ai và toát ra từ đâu?**  - Là cảm giác của nhân vật trữ tình, được toát lên từ một hồn thơ dạt dào cảm xúc tươi mới, sự hối hả, vội vàng đầy đắm say với tình yêu, với cảnh sắc, vẻ đẹp của “thời tươi” thì trong bài thơ này tuy vẫn dạt dào cảm xúc, song lại mang âm vị trầm buồn, chất chứa những nỗi suy tư, những bí mật không thể dãi bày, không thể tâm sự.  **Câu 4:** **Chủ thể trữ tình trong bài thơ đã thể hiện cảm xúc gì khi lắng nghe tiếng đàn? Các chi tiết nào trong bài thơ cho thấy điều đó?**  - Chủ thể trữ tình trong bài thơ đã thể hiện trầm buồn, chất chứa những nỗi suy tư, những bí mật không thể dãi bày, không thể tâm sự.  -  Trong không gian tuyệt sắc của không gian đêm trăng đó, vang vọng đâu đó tiếng đàn đầy u uẩn, bởi nó lạnh như nước, làm tái tê cõi lòng người nghe **“Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi..”,** câu thơ gợi cho người đọc liên tưởng cho người đọc liên tưởng đến một thứ âm thanh réo rắt, lạnh lẽo, khắc khoải đến tận tâm can. Và sở dĩ tiếng nhạc bi thương, réo rắt như thế là bởi chính chủ thể của tiếng đàn ấy đang đeo mối sầu không có người dãi tỏ “Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người”. |
| **NV7: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV8: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu câu 5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 5: Xác định ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh người phụ nữ ở khổ thơ thứ hai, bến Tầm Dương ở khổ thơ thứ ba và sao Khuê ở khổ thơ cuối. Chỉ ra mối liên hệ giữa những hình ảnh này, từ đó xác định cấu tứ của bài thơ**.  - Biểu tượng cho nỗi nhớ về một tình yêu xa xôi đã qua. Người phụ nữ là hình ảnh của người phụ nữ yêu và hy vọng chờ đợi, trong khi bến tầm dương là nơi nối vòng tay của người yêu xa xôi và trông chờ vào một ngày hẹn hò.  - Sao Khuê ở khổ thơ cuối là hình ảnh của người phụ nữ đã đi vào quên lãng và trở thành một vì sao trên bầu trời. Sự so sánh này nhằm bày tỏ sự tiếc nuối về một tình yêu đã qua.  - Bài thơ được xây dựng dựa trên cấu trúc 4 khổ, mỗi khổ có 7 chữ, tạo nên một sự cân đối và hài hòa trong từng câu thơ.  **Câu 6: Xác định cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong bài thơ. Cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu đó đã tạo nên nhạc diệu như thế nào cho bài thơ và giúp bạn hình dung như thế nào về tiếng đàn nguyệt trong đêm lạnh?**  - Cách ngắt nhịp 2/2/3 vừa tạo nên nhạc tính nhuần nhị cho câu thơ vừa gợi lên một bức tranh đã có hình lại có thanh. Nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy. Bằng khả năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, Xuân Diệu tạo ra âm điệu cũng chính là tạo nên nhạc tính trong thơ. Từ đó dẫn dụ người đọc đi vào thế giới lung linh màu nhiệm của Nguyệt Cầm.  - Việc sử dụng những từ láy và lặp lại chúng “long lanh”, “lung linh”… là một trong những biện pháp tạo nhịp điệu trong thơ. Nhịp điệu có vai trò quan trọng trong việc tạo nhạc tính trong thơ, đồng thời thể hiện một cách tinh tế những trạng thái cảm xúc của nhà thơ. |

**Hoạt động 4: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại bài học

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“Vòng quay văn học”*  để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS